

## MỐI LIÊN QUAN ĐẾN KỸ NĂNG VỀ THỰC HÀNH DỰA VÀO BẰNG CHỨNG CỦA ĐIỀU DƯỠNG

Lê Đức Sang\*, Hoàng Thị Phương\*, Đỗ Quang Tuyển\*

Nhận bài: 27/10/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 09/02/2022; Chấp nhận đăng: 27/02/2022

©2022 Trường Đại học Thăng Long

### Tóm tắt

Mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kỹ năng về thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng viên. Phương pháp: nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 113 sinh viên Điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Thăng Long. Kết quả: kỹ năng thường xuyên chia sẻ thông tin và thường xuyên đánh giá kết quả chăm sóc chiếm tỷ lệ cao nhất, những sinh viên tuổi từ 30 – 40 có điểm trung bình về kỹ năng cao hơn so với những nhóm tuổi còn lại; những sinh viên tìm kiếm thông tin từ 1 – 2 lần/tháng có điểm trung bình về kỹ năng cao hơn so với những nhóm còn lại. Kết luận: thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị về thực hành dựa vào bằng chứng; khuyến khích điều dưỡng viên tích cực nghiên cứu khoa học qua đó nâng cao kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng.

**Từ khóa:** thực hành dựa vào bằng chứng; điều dưỡng; kỹ năng

### 1. Đặt vấn đề

Trong thực hành điều dưỡng, thực hành dựa vào bằng chứng có vai trò quan trọng trong chăm sóc nâng cao sức khỏe của người bệnh. Nghiên cứu cho thấy 28% cải thiện kết quả của bệnh nhân khi chăm sóc lâm sàng dựa trên bằng chứng thay vì thực hành chăm sóc theo kiểu truyền thống [8]. Thực hành dựa trên bằng chứng gắn liền với tất cả các khía cạnh tích cực của chất lượng trong chăm sóc sức khỏe như sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cải thiện chăm sóc bệnh nhân, giảm chi phí và thời gian nằm viện, tăng sự hài lòng của bệnh nhân và loại bỏ những kỹ thuật chăm sóc không cần thiết [8], [9]. Đồng thời, thực hành dựa vào bằng chứng còn làm cho người thực hành nhận thấy tầm quan trọng, ý nghĩa

của nghiên cứu khoa học để cung cấp bằng chứng cho cải thiện thực hành lâm sàng nói chung và thực hành điều dưỡng nói riêng từ đó sẽ hăng hái hơn, có động lực rõ rệt hơn để thực hiện nghiên cứu khoa học. Tại Việt Nam, thực hành điều dưỡng dựa trên bằng chứng đã và đang phát triển tại nhiều bệnh viện và trở thành học phần quan trọng bắt buộc chương trình dạy học hệ thạc sĩ điều dưỡng tại các trường Đại học trong những năm gần đây. Cũng giống như nước ngoài, một số nghiên cứu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và rào cản về thực hành dựa vào bằng chứng ở trong nước đều chỉ ra điều dưỡng viên Việt Nam mặc dù có thái độ tích cực, nhưng kiến thức và kỹ năng còn hạn chế [1], [2]. Những rào cản chủ yếu tập chung vào Điều dưỡng viên còn hạn chế về khả năng đọc hiểu tiếng anh, không đủ thời

\* Trường Đại học Thăng Long

gian để tìm kiếm các báo cáo nghiên cứu và không đủ thẩm quyền để thay đổi thực hành [1]. Để làm sáng tỏ hơn và bổ sung thêm những kết quả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và những rào cản liên quan đến thực hành dựa trên bằng chứng của điều dưỡng viên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Mối liên quan đến kỹ năng về thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng viên” với mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kỹ năng về thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng viên.

## **2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Sinh viên Điều dưỡng hệ liên thông và hệ cao học đang theo học tại Trường Đại học Thăng Long.

### **2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu**

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Thăng Long

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2021

### **2.3. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang có phân tích**

### **2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu**

Cách chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện

## **3. Kết quả nghiên cứu**

**Bảng 1. Kỹ năng của điều dưỡng viên về thực hành (TH) dựa vào bằng chứng (DVBC)**

<b>Kỹ năng về TH dựa vào bằng chứng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Thường xuyên đặt câu hỏi	45	39,8
Thường xuyên theo dõi, tìm kiếm các bằng chứng	40	35,4
Thường xuyên đánh giá và rút ra kinh nghiệm	43	38,1
Thường xuyên áp dụng các bằng chứng	38	33,6
Thường xuyên đánh giá kết quả chăm sóc	50	44,2
Thường xuyên chia sẻ thông tin	53	46,9

Bảng 1 cho thấy: tỷ lệ sinh viên thường xuyên chia sẻ thông tin và thường xuyên đánh giá kết quả chăm sóc là cao nhất với tỷ lệ tương ứng là 46,9% và 44,2%.

**Bảng 2. Mối liên quan giữa nhóm tuổi với kỹ năng về TH DVBC**

<b>Nhóm tuổi</b>	<b>Kỹ năng</b>				<b>F, p</b>
	<b>Mean</b>	<b>Std.D</b>	<b>Min</b>	<b>Max</b>	
< 30	30,6	6,4	21	42	F = 3,830 p = 0,025
30 - 40	34,0	7,2	17	42	

Cỡ mẫu: chọn toàn bộ sinh viên Điều dưỡng hệ liên thông cao đẳng và hệ cao học đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

### **2.5. Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu**

Để khảo sát kỹ năng của điều dưỡng về thực hành dựa vào bằng chứng, nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi về thực hành dựa vào bằng chứng (Evidence-Based Practice Questionnaire EBPQ) do Upton và cộng sự phát triển [10] và đã được một số tác giả tại Việt Nam dịch sang tiếng Việt và áp dụng nghiên cứu [1], [2].

Kỹ thuật thu thập số liệu: Sau khi sinh viên được giải thích và đồng ý tham gia nghiên cứu chúng tôi tiến hành phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu.

### **2.6. Đạo đức nghiên cứu**

Nghiên cứu không có nguy cơ tổn thương hay vi phạm quyền lợi của cá nhân. Những số liệu sử dụng phân tích được Lãnh đạo bệnh viện cho sử dụng để hoàn thành viết bài báo.

### **2.7. Phân tích số liệu**

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0, dùng các thuật toán thống kê như T- Test, Anova để xác định mối liên quan

> 40	29,0	9,5	17	42	
Tổng	32,1	7,2	17	42	

Bảng 2 cho thấy: sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi với kỹ năng về TH dựa vào bảng chứng ( $p < 0,05$ ;  $F = 3,830$ ); trong đó điểm trung bình về kỹ năng của nhóm tuổi từ 30 – 40 là cao hơn hẳn 2 nhóm còn lại.

**Bảng 3. Mối liên quan giữa giới tính với kỹ năng về TH DVBC**

Giới tính	Kỹ năng				T, p
	Mean	Std.D	Min	Max	
Nam	33,2	7,6	21	42	T = 0,511 p = 0,610
Nữ	32,0	7,2	17	42	
Tổng	32,1	7,2	17	42	

Bảng 3 cho thấy: chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giới tính với kỹ năng về TH dựa vào bảng chứng.

**Bảng 4. Mối liên quan giữa vị trí công tác với kỹ năng về TH DVBC**

Vị trí công tác	Kỹ năng				T, p
	Mean	Std.D	Min	Max	
Điều dưỡng viên	31,8	7,4	17	42	T = -1,062 p = 0,291
Quản lý điều dưỡng	34,0	6,2	26	42	
Tổng	32,1	7,2	17	42	

Bảng 4 cho thấy: chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về vị trí công tác với kỹ năng về TH dựa vào bảng chứng.

**Bảng 5. Mối liên quan giữa số năm kinh nghiệm với kỹ năng về TH DVBC**

Số năm kinh nghiệm	Kỹ năng				F, p
	Mean	Std.D	Min	Max	
< 5 năm	31,4	7,3	21	42	F = 0,273 p = 0,762
5 năm - 10 năm	32,7	6,3	17	42	
> 10 năm	32,0	8,2	17	42	
Tổng	32,1	7,2	17	42	

Bảng 5 cho thấy: chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về số năm kinh nghiệm với kỹ năng về TH dựa vào bảng chứng.

**Bảng 6. Mối liên quan giữa khả năng nghiên cứu với kỹ năng về TH DVBC**

Đã làm NCKH	Kỹ năng				T, p
	Mean	Std.D	Min	Max	
Có	31,8	7,4	17	42	T = -0,459 p = 0,647
Không	32,4	7,1	17	42	
Tổng	32,1	7,2	17	42	

Bảng 6 cho thấy: chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về khả năng NCKH với kỹ năng về TH dựa vào bảng chứng.

**Bảng 7. Mối liên quan giữa tần suất tìm kiếm thông tin với kỹ năng về Thực hành dựa vào bảng chứng**

Tần suất tìm kiếm thông tin	Kỹ năng				F, p
	Mean	Std.D	Min	Max	
Không bao giờ	33,3	8,6	23	42	F = 3,081 p = 0,019
Vài lần/tuần	29,5	8,1	17	42	

Tần suất tìm kiếm thông tin	Kỹ năng				F, p
	Mean	Std.D	Min	Max	
1 lần/tuần	29,6	5,9	21	42	
1 – 2 lần/tháng	34,7	6,7	17	42	
< 1 lần/tháng	34,3	5,5	26	42	
Tổng	32,1	7,2	17	42	

Bảng 7 cho thấy: sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tần suất tìm kiếm thông tin với kỹ năng về TH dựa vào bằng chứng ( $p < 0,05$ ;  $F = 3,081$ ); trong đó điểm trung bình về kỹ năng của nhóm tìm kiếm thông tin từ 1 – 2 lần/tháng là cao nhất.

#### 4. Bàn luận

Đối tượng tham gia nghiên cứu báo cáo rằng họ có thái độ tích cực với thực hành dựa vào bằng chứng tuy nhiên kỹ năng về thực hành dựa vào bằng chứng ở mức độ trung bình. Kết quả này tương đồng với kết quả của một số nghiên cứu trước đây [3], [4], [6]. Có thể nói, áp dụng thực hành dựa vào bằng chứng trong thực hành chăm sóc người bệnh là cách tiếp cận đa chiều và đòi hỏi người điều dưỡng cần trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng nhất định. Tuy nhiên, sinh viên hầu hết làm ở bệnh viện tuyến trung ương với số lượng người bệnh luôn trong tình trạng quá tải, điều dưỡng viên thường không có đủ thời gian để tiến hành các nghiên cứu. Thêm nữa nguồn học liệu chưa được trang bị đầy đủ cũng có thể là một trong những lý do khiến cho điều dưỡng viên khó có thể tiếp cận với các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước. Cho nên dù có thái độ tích cực với thực hành dựa vào bằng chứng nhưng điều dưỡng viên mới chỉ có kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng ở mức trung bình.

Trong nghiên cứu của chúng tôi yếu tố số năm công tác và giới tính không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng

của điều dưỡng viên, kết quả này cũng tương đồng với kết quả của tác giả Phạm Thị Oanh (2018) và tác giả Majid S và các cộng sự (2011) [2], [6]. Tuy nhiên, nghiên cứu của Koehn cũng chỉ ra rằng điều dưỡng có số năm công tác nhiều hơn có kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng cao hơn [5]. Điều này có thể do những điều dưỡng có kinh nghiệm làm việc lâu hơn thì thời gian trải nghiệm của họ trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh sẽ nhiều hơn, qua đó có thể rút ra nhiều cách thức làm việc phù hợp hơn. Ngoài ra, kinh nghiệm làm việc chính là những kỹ năng mềm, kỹ năng kiến thức chuyên môn và kỹ năng tìm kiếm nguồn thông tin hoặc bằng chứng phù hợp được điều dưỡng vận dụng vào trong quá trình chăm sóc. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Aburuz và các cộng sự (2017) cũng chỉ ra rằng các nữ điều dưỡng có kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng kém hơn so với các nam đồng nghiệp [3]. Điều này cho thấy, cần tiến hành thêm các nghiên cứu khác nhằm xác định ảnh hưởng của giới tính cũng như thời gian công tác với kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng.

Trong nghiên cứu này, những điều dưỡng viên làm quản lý thường có trình độ chuyên môn và thời gian công tác cao hơn so với điều dưỡng viên không làm công tác quản lý. Tuy nhiên, những điều dưỡng làm quản lý và điều dưỡng viên không có sự khác biệt về mức độ thực hành dựa vào bằng chứng, kết quả này khác với kết quả của tác giả Majid và các cộng sự (2011) chỉ ra rằng điều dưỡng có trình độ chuyên môn cao hơn

thì kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng tốt hơn so với nhóm có trình độ chuyên môn thấp [6]. Có thể lý giải rằng các điều dưỡng viên trong nghiên cứu này có trình độ chuyên môn khác nhau nhưng vẫn làm việc trong cùng một môi trường công lập với vai trò và chức năng giống nhau. Họ đều phải cùng nhau làm việc với áp lực bệnh nhân đông, nhân lực điều dưỡng thiếu hụt, cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Ngoài ra họ phải dành nhiều thời gian để ghi chép giấy tờ hồ sơ bệnh án, vì vậy họ không có đủ thời gian để tìm kiếm các bằng chứng khoa học mới nhất và áp dụng vào thực tế lâm sàng. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng áp lực công việc quá tải và thiếu thời gian là các yếu tố chính ảnh hưởng đến kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng [4], [5], [7].

Các điều dưỡng viên đã từng tham gia nghiên cứu khoa học hay chưa từng tham gia nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu này không có sự khác biệt về điểm trung bình kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng. Kết quả này khác biệt so với các kết quả trước đây [3], [4], [5].

Trong nghiên cứu của chúng tôi, những người thuộc nhóm tuổi từ 30 – 40 có điểm trung bình về kỹ năng cao hơn hẳn 2 nhóm còn lại (sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ ). Kết quả này khác với kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Oanh (2018) và các tác giả AbuRuz (2017), Majid S (2011) [2], [3], [6]. Trong nhóm tuổi từ 30 – 40 là nhóm tuổi đã có kinh nghiệm lâm sàng và còn trẻ nên khả năng tìm kiếm và học hỏi sẽ cao so với những nhóm tuổi khác.

Ngoài nhóm tuổi ra thì trong nghiên cứu này cho thấy tần suất tìm kiếm thông tin cũng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng. Tìm kiếm thông

tin là một kỹ năng quan trọng mà điều dưỡng cần phải học hỏi để phát triển về nghiên cứu cũng như tìm được các bằng chứng rõ ràng về một vấn đề trong chăm sóc người bệnh.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy điều dưỡng viên có kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng ở mức độ trung bình. Các yếu tố giới, vị trí công tác, số năm kinh nghiệm, đã làm NCKH không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng. Điều dưỡng viên trong nhóm từ 30 – 40 tuổi có điểm trung bình về kỹ năng cao hơn so với những nhóm tuổi còn lại; điều dưỡng viên có tần suất tìm kiếm thông tin từ 1 – 2 lần/tháng có điểm trung bình về kỹ năng cao hơn so với những nhóm còn lại.

## 6. Khuyến nghị

Để tăng cường năng lực thực hành dựa vào bằng chứng cho điều dưỡng viên, các bệnh viện cần phối hợp với các Trường Đại học Y Dược thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị về thực hành dựa vào bằng chứng. Đồng thời, tiến hành các nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của những chương trình can thiệp đã tiến hành.

Cần có giải pháp phù hợp để khuyến khích điều dưỡng viên tích cực nghiên cứu khoa học qua đó nâng cao kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Bích Trâm; Trần Thị Hoàng Oanh; Bùi Thị Diệu (2020), "Nhận thức của Điều dưỡng về thực hành dựa vào bằng chứng", *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 3(5), tr. 148-157.
- [2] Phạm Thị Oanh; Lương Thị Hoa; Hoàng Trung Kiên (2018), "Kiến thức, thái độ, kỹ năng của điều dưỡng về thực hành dựa trên

- bằng chứng”, *Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 187(11), tr. 157-162.
- [3] AbuRuz M. E. et al. (2017), “Knowledge, attitudes, and practice about evidence-based practice: A Jordanian study”, *Health Science Journal*, 11, pp. 1-8.
- [4] Brown E. C., Wichline M. A., Ecoff L., Glaser D. (2009), “Nursing knowledge, practices, attitudes and perceived barriers to evidence-based practice at an academic medical center”, *Journal of Advanced Nursing*, 65 (2), pp. 371-381.
- [5] Koehn M. L. & Lehman K. (2008), “Nurses perceptions of evidence-based practice”, *Journal of Advanced Nursing*, 62, pp. 209-215.
- [6] Majid S. et al. (2011), “Adopting evidence-based practice in clinical decision making: Nurses’ perception, knowledge, and barriers” *Journal of the Medical Library Association*, 99 (3), pp. 229-236.
- [7] Mehrdad N. et al. (2012), “Nursing faculties knowledge and attitude on evidence-based practice”, *Iranian Journal of Nursing and Midwifery Research*, 17 (7), pp. 506-511.
- [8] Melnyk BM; Fineout E; Gallagher L; Kaplan L (2012), “The state of evidence-based practice in us nurses: Critical implications for nurse leaders and educators”, *J NursAdm.* 42, tr. 410-417.
- [9] Melnyk BM; Gallagher L; Long LE; Fineout E (2014), “The establishment of evidence-based practice competencies for practicing registered nurses and advanced practice nurses in real world clinical settings: proficiencies to improve healthcare quality, reliability, patient outcomes, and costs”, *Worldviews Evid Based Nurs.* 11, tr. 5-15.
- [10] Upton P. (2005), “Nurses’ attitudes to evidence-based practice: impact of national policy”, *British Journal of Nursing.* 14(5), tr. 283-288.